

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ ba, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường biến động mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/4/2020	•		
Tuần 30/3-3/4/2020	•		
Tháng 4/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index bật tăng mạnh nhờ hàng loạt các mã cổ phiếu trụ cột thị trường ghi nhận nhịp hồi phục khả quan như VIC, VCB, VHM, GAS, BID. Đến phiên chiều, trước thông tin về Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ, áp lực bán dâng cao và nhanh chóng kéo chỉ số xuống dưới mốc tham chiếu. Phần lớn thời gian còn lại, VN-Index vận động giằng co và kết phiên chỉ tăng nhẹ 0.04% khi nhóm ngành Ngân hàng có diễn biến phân hoá mạnh. Với biên độ dao động rộng và lực bán ròng trở lại của khối ngoại, rủi ro của thị trường vẫn hiện diện. Trong phiên ngày mai, nhà cung cấp chỉ số FTSE cũng sẽ công bố xếp hạng thị trường định kỳ; điều này dự kiến cũng sẽ có tác động nhất định tới tâm lý nhà đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về trạng thái trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 630 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 31/3/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme Ngành Dược -1.4%. 6/21 danh mục
Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**, con số này của VNINDEX là 0.0%

Phân tích kỹ thuật: VTP_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.27 điểm**, đóng cửa 662.53. HNX-Index **-0.64 điểm**, đóng cửa 92.64.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.98); VCB (+1.08); HPG (+0.41); SAB (+0.35); PLX (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.81); VHM (-0.74); CTG (-0.52); EIB (-0.34); TPB (-0.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,561 tỷ đồng**, +6% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 29.54 điểm. Thị trường có 152 mã tăng, 65 mã giảm, 214 mã tham chiếu.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **395.66 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (125.85 tỷ), VIC (72.71 tỷ) và VNM (35.33 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **14.45 tỷ đồng**.

VN-INDEX 662.53

Giá trị: 2561.9 tỷ

0.27 (0.04%)

Khối ngoại (ròng): -395.66 tỷ

HNX-INDEX 92.64

Giá trị: 337.21 tỷ

-0.64 (-0.69%)

Khối ngoại (ròng): -14.45 tỷ

UPCOM-INDEX 47.74

Giá trị: 200.61 tỷ

0.11 (0.23%)

Khối ngoại (ròng): -6.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	21.2	5.57%
Giá vàng	1,610	-0.76%
Tỷ giá USD/VND	23,637	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,074	-0.63%
Tỷ giá JPY/VND	21,782	-0.63%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	14.46%
LS TPCP 5 năm	2.9%	1.53%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	6.3	MSN	-125.6
VCB	5.0	VIC	-72.5
POW	2.9	VNM	-35.2
PLX	2.8	HPG	-27.5
GAB	2.3	STB	-21.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **6/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**, con số này của VNINDEX là 0.0%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **6/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

31/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_FTSE Việt Nam_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
FTSE Việt Nam	0.8%	6.4%	-21.1%	-28.0%	-31.2%	-29.9%	29.3%	16.3%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	-0.6%	-27.3%	-32.0%	-32.7%	-31.8%	-33.0%	19.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	4.1%	-23.1%	-30.3%	-34.3%	-33.3%	17.4%	15.3%
Lãi suất giảm	0.3%	-4.6%	-32.4%	-33.5%	-39.5%	-39.9%	-15.9%	18.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-2.2%	-25.9%	-30.0%	-35.7%	-30.0%	1.6%	16.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	-3.1%	-26.9%	-29.9%	-33.9%	-26.9%	5.3%	16.8%
Ngành Dược	-0.1%	0.1%	-14.1%	-12.7%	-16.3%	-11.9%	11.7%	18.2%
Nước & Năng lượng	-0.5%	-3.2%	-24.3%	-31.7%	-35.8%	-32.7%	-1.5%	15.8%
BDS & Khu công nghiệp	-0.5%	-0.4%	-26.1%	-32.5%	-35.3%	-32.8%	-11.4%	17.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.7%	-6.9%	-34.1%	-34.3%	-35.8%	-21.5%	21.9%	20.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	-2.7%	-27.4%	-33.5%	-38.7%	-43.0%	-13.8%	22.0%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	-4.3%	-27.6%	-33.1%	-41.8%	-36.6%	-10.7%	18.9%
Chiến tranh thương mại	-0.7%	-3.4%	-32.2%	-36.9%	-41.5%	-41.8%	-34.3%	17.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.8%	-2.1%	-19.7%	-22.9%	-21.3%	-19.3%	7.6%	15.3%
Ngân hàng	-0.9%	-5.1%	-31.2%	-27.4%	-27.2%	-21.9%	18.8%	23.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.4%	-6.6%	-32.5%	-27.7%	-29.3%	-27.5%	-4.7%	20.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.5%	-8.3%	-30.8%	-32.4%	-36.0%	-25.0%	0.2%	18.7%
VN Diamond	-1.8%	-9.4%	-33.1%	-32.3%	-36.1%	-25.0%	-1.7%	18.7%
VN FinSelect	-1.9%	-7.6%	-31.5%	-27.5%	-29.5%	-28.0%	-8.8%	19.4%
Dầu khí	-2.0%	-9.1%	-36.6%	-46.1%	-50.3%	-50.2%	-35.0%	24.5%
Xây dựng	-2.9%	-7.7%	-26.7%	-31.0%	-44.1%	-45.4%	-42.0%	19.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 1	2.1%	1.2%	-23.0%	-26.3%	-26.8%	-20.5%	22.7%	18.5%
Danh mục 4	1.6%	-1.1%	-27.0%	-31.3%	-31.9%	-18.2%	27.4%	19.9%
Danh mục 5	1.1%	-3.2%	-27.5%	-30.9%	-32.6%	-19.4%	18.8%	18.4%
Danh mục 6	-1.0%	-5.6%	-31.0%	-30.3%	-35.9%	-29.8%	-0.4%	20.2%
Danh mục 3	-2.3%	-9.7%	-35.9%	-37.0%	-42.9%	-35.1%	-4.2%	21.7%

* Note
6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 10	2.1%	1.4%	-24.0%	-28.3%	-29.5%	-18.5%	7.2%	16.7%
Danh mục 11	1.3%	-0.1%	-21.2%	-24.3%	-28.6%	-16.8%	9.2%	17.0%
Danh mục 12	0.2%	-3.9%	-30.6%	-33.1%	-36.9%	-23.8%	36.0%	18.1%

* Note
3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	0.0%	0.5%	-25.1%	-31.1%	-33.6%	-32.6%	-7.5%	16.5%
VN30INDEX	-0.4%	-2.3%	-26.9%	-30.1%	-34.0%	-32.3%	-10.1%	16.9%

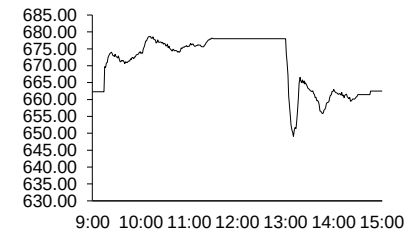
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

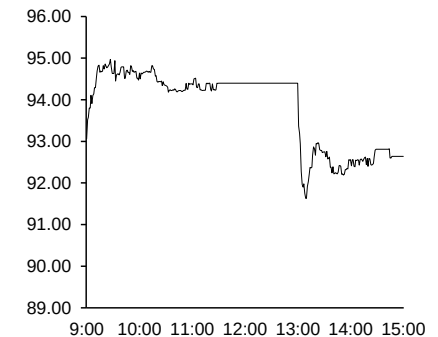
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	2.6%
Bảo hiểm	1.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.3%
Công nghệ Thông tin	1.1%
Dầu khí	0.9%
Bất động sản	0.5%
Y tế	0.0%
Viễn thông	0.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Dịch vụ tài chính	-0.2%
Du lịch và Giải trí	-0.2%
Hóa chất	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Bán lẻ	-0.5%
Ngân hàng	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	-0.8%
Ô tô và phụ tùng	-1.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.9%
Truyền thông	-3.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VTP_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần nhưng chưa vượt qua giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: VTP đã ở trong trạng thái giảm giá từ giữa tháng 2 đến nay với xuất phát điểm là khu vực xung quanh 130. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn đang có giá trị khá tốt và ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật đang chưa có được sự đồng nhất về trạng thái nhưng cũng dần chuyển sang trạng thái tích cực. Chỉ báo MACD vừa tạo Golden Cross trong phiên hôm nay nên đó có thể là dấu hiệu khởi đầu cho một giai đoạn tươi sáng hơn của cổ phiếu. Tuy vậy, việc chỉ báo RSI chưa vượt qua giá trị 50 cũng như đường EMA12 vẫn đang ở dưới đường EMA26 nên áp lực chốt lời có thể xuất hiện trong ngắn hạn. Theo đánh giá của chúng tôi, VTP có thể sẽ tiếp cận vùng giá 112-113 trong thời gian tới sau đó tiềm năng đi ngang tích lũy để tìm thêm động lực cho quá trình tăng giá được vững vàng hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo năm 2019 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 7,310 tỷ (+48.5% YoY) và 389 tỷ (+39.6% YoY). EPS fw 2019 đạt 5,991 VND.

Luận điểm đầu tư

- Thị trường dịch vụ vận chuyển Thương mại điện tử dự kiến tăng trưởng 42.1%/năm trong giai đoạn 2018 - 2022
- Hệ thống mạng lưới của Viettel trải dài trên cả nước cùng với các dịch vụ đa dạng
- Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt dồi dào

Rủi ro Đầu tư

- Rủi ro biên lợi nhuận gộp giảm do cạnh tranh gay gắt về dịch vụ
- Các công ty Chuyển phát nước ngoài gia nhập thị trường Chuyển phát nội địa

Cập nhật KQKD

Thị trường vận chuyển dự kiến tiếp tục tăng trưởng mạnh cả về quy mô và số lượng đơn hàng. Theo dự báo của Công ty Giao Hàng Nhanh, số lượng đơn hàng tăng trưởng ở mức trung bình 45% giai đoạn 2015-2020 và có thể đạt tới 530 triệu đơn hàng vào năm 2020.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bút phá	Link	TAR_Hồi phục từ đáy	Link
STB_Bút phá	Link		
KSB_Mô hình hai đáy	Link		
TIG_Bút phá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 31/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 31/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	20.90	4.03%	-12.95%	-53.50%	-65.11%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	23.07	1.36%	-15.03%	-53.60%	-65.62%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	58.55	2.06%	42.18%	-61.50%	-68.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1615.42	-0.44%	-1.04%	1.90%	25.18%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.11	0.43%	-1.20%	-15.30%	-5.78%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	885.50	0.37%	-0.14%	-0.80%	-6.59%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	571.75	0.40%	1.83%	8.90%	12.00%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.32	-4.86%	-13.90%	-18.40%	-16.12%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.90	1.87%	%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.73	-3.33%	-2.81%	-24.40%	-22.81%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	119.30	2.98%	-1.61%	8.70%	8.60%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4769.50	-0.44%	3.01%	-15.10%	-26.29%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3247.00	-0.28%	-2.02%	-6.30%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1530.50	-0.97%	-1.95%	-9.40%	-19.40%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	648.00	0.54%	2.45%	3.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.90	-2.20%	7.15%	2.60%	-20.67%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 2.17 USD (8.7%) xuống 22.76 USD/thùng, mức thấp chưa từng có kể từ tháng 11/2002, trong khi dầu WTI giảm 1.42 USD, tương đương 6.6%, xuống 20.09 USD/thùng, thấp nhất kể từ tháng 2/2002. Trong phiên có lúc WTI xuống dưới 20 USD/thùng.
- Dịch Covid-19 dự báo có thể khiến nhu cầu nhiên liệu trên toàn thế giới giảm ít nhất 20% do các Chính phủ có lệnh hạn chế nghiêm ngặt sự di chuyển của người dân để kiểm chế virus lây lan.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.1% lên 1,618 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 giảm 0.2% xuống 1,622 USD/ounce. Giá vàng giao ngay đi lên trong phiên vừa qua sau khi Mỹ gia tăng việc cách ly người dân để ngăn chặn virus corona, gây lo ngại kinh tế nước này có thể suy yếu nghiêm trọng, khiến nhà đầu tư chuyển hướng sang những tài sản an toàn như vàng.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 37 US cent (3.3%) xuống 10.73 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 5.4 USD (1.5%) lên 356.10 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn trên sàn ICE kết thúc phiên giao dịch vừa qua giảm do có dấu hiệu cho thấy thị trường đường sẽ chuyển từ thiếu hụt thành dư thừa trong năm 2020/21. Giá dầu thô giảm mạnh có thể khiến khu vực Trung Nam Brazil – nơi sản xuất đường chính của nước này – chuyển hướng sang sản xuất đường nhiều hơn là sản xuất ethanol, sẽ khiến thị trường đường chuyển hướng sang dư thừa. Tuy nhiên, lệnh phong tỏa toàn quốc 21 ngày của Ấn Độ có thể khiến xuất khẩu đường trắng của nước này sụt giảm.

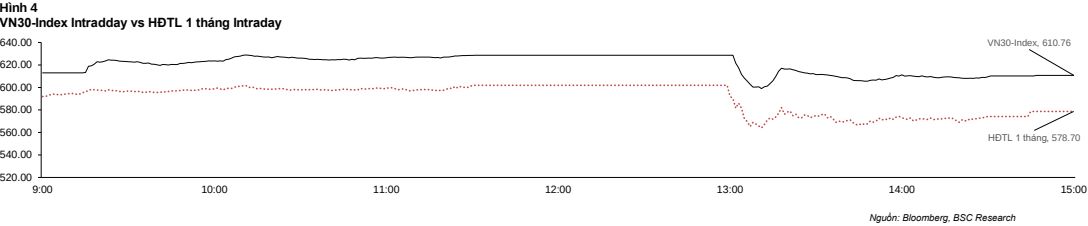
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM giảm 5.4 JPY (3.6%) trong phiên vừa qua, xuống 144.2 JPY (1.3 USD)/kg. Giá chạm mức thấp kỷ lục trong vòng 11 năm do virus corona lây lan mạnh mẽ trên toàn thế giới, làm gia tăng nỗi lo nhu cầu sẽ chậm lại, thúc đẩy làn sóng bán cao su diễn ra mạnh mẽ.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 2.3% xuống 645.5 CNY (90.95 USD)/tấn. Trên sàn Singagapore, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 4 giảm 2.9%. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 1.5% trong khi thép cuộn cán nóng giảm 1.5%.
- Giá quặng sắt trên cả 2 thị trường Trung Quốc và Singapore đều giảm trong phiên giao dịch vừa qua do giới đầu tư nghi ngờ về hiệu quả của những chương trình kích thích kinh tế quy mô lớn trên toàn cầu, cho rằng không đủ để vực dậy nền kinh tế thế giới đang tổn thương nghiêm trọng bởi dịch Covid-19.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	578.70	-0.74%	-32.06	11.9%	226,261	4/16/2020	17
VN30F2005	576.00	-0.17%	-34.76	76.6%	1,566	5/21/2020	52
VN30F2006	580.00	0.14%	-30.76	135.0%	242	6/18/2020	80
VN30F2009	577.20	0.00%	-33.56	-32.9%	100	9/17/2020	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 2.26 điểm xuống mức 610.76 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, EIB, STB, VHM và PNJ tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 tăng vào phiên sáng nhưng đã giảm đột ngột từ đầu phiên chiều và chốt phiên trong sắc đỏ. VN30 có thể sẽ vẫn chưa có được sự tích cực trong những phiên tới.

- Các HDTL có sự phân hóa về trạng thái trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, đa số hợp đồng đều tăng, trừ VN30F2009. Xét về vị thế mở, đa số hợp đồng đều tăng, trừ VN30F2004. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 630 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG2004	SSI	6/15/2020	76	1:1	22,740	-26.1%	1.0 triệu	33.58%	13,600	260	188.89%	0.30	866.67
CHDB2004	SSI	5/14/2020	44	1:1	214,750	-77.7%	3.0 triệu	31.39%	3,200	20	100.00%	-	-
CHPG1909	KIS	5/15/2020	45	2:1	209,250	-15.7%	5.0 triệu	31.33%	1,800	100	42.86%	0.10	1,000.00
CHPG2004	SSI	6/15/2020	76	1:1	103,060	69.3%	5.0 triệu	31.33%	2,800	250	38.89%	11.70	21.37
CVRE2001	KIS	9/21/2020	174	4:1	209,100	-38.8%	8.0 triệu	34.29%	1,500	150	15.38%	1.90	78.95
CHPG2002	KIS	12/16/2020	260	2:1	40,650	142.0%	3.0 triệu	31.33%	1,700	500	13.64%	21.30	23.47
CVIC2001	KIS	12/16/2020	260	5:1	22,800	122.9%	2.0 triệu	28.72%	2,700	1,470	5.00%	119.20	12.33
CDPM2002	KIS	12/16/2020	260	1:1	11,300	n/a	2.5 triệu	32.04%	1,700	1,450	2.84%	328.80	4.41
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	113	1:1	34,540	2516.7%	1.5 triệu	35.60%	2,200	780	2.63%	194.60	4.01
CDPM2001	KIS	6/19/2020	80	2:1	154,440	90.6%	2.0 triệu	32.04%	1,000	210	0.00%	26.00	8.08
CHPG2003	MBS	5/4/2020	34	3:1	401,400	119.8%	6.0 triệu	31.33%	1,570	110	0.00%	-	-
CHDB2001	KIS	6/19/2020	80	2:1	416,610	73.6%	5.0 triệu	31.39%	2,000	70	0.00%	0.50	140.00
CHDB2003	KIS	12/16/2020	260	2:1	63,500	-29.1%	2.0 triệu	31.39%	2,700	390	0.00%	20.00	19.50
CVNM2002	KIS	12/16/2020	260	5:1	23,120	-52.4%	3.0 triệu	27.20%	3,200	1,130	0.00%	79.60	14.20
CROS2001	KIS	6/19/2020	80	4:1	668,100	30.7%	10.0 triệu	57.24%	1,500	30	0.00%	-	-
CMSN2001	KIS	12/16/2020	260	5:1	49,780	645.2%	2.0 triệu	28.90%	2,300	1,170	-4.89%	197.60	5.92
CSTB2001	KIS	6/19/2020	80	1:1	313,590	-53.4%	5.0 triệu	32.82%	1,500	180	-12.00%	2.00	90.00
CSTB2002	KIS	12/16/2020	260	1:1	522,060	325.5%	3.0 triệu	32.82%	1,700	640	-12.33%	53.50	11.96
CMBB1903	SSI	4/22/2020	22	1:1	496,140	311.4%	3.0 triệu	29.39%	4,000	40	-20.00%	-	-
CFPT1908	MBS	6/17/2020	78	3:1	113,160	26.2%	2.4 triệu	28.68%	3,150	150	-25.00%	18.40	8.15
CVPB2001	HSC	6/22/2020	83	2:1	180,890	926.6%	5.0 triệu	35.60%	1,500	420	-35.38%	152.60	2.75
CREE1905	MBS	6/17/2020	78	3:1	68,300	93.5%	2.4 triệu	28.97%	2,150	100	-69.70%	15.20	6.58
CHPG1907	SSI	4/22/2020	22	1:1	30,220	391.4%	1.0 triệu	31.33%	4,200	20	-80.00%	1.00	20.00
Tổng:					4,369,500		82.30 triệu	32.55%**					
Chú thích:					Bảng báo gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 31/3/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm trước.

- Về giá, CMWG2004 và CHDB2004 tăng mạnh nhất lần lượt là 118.9% và 100%, ở chiều hướng ngược lại, CHPG1907 và CREE1905 giảm mạnh nhất lần lượt là 80% và 69.7%. Thanh khoản thị trường tăng 3.44%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.41% thị trường.

- Tất cả chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết. CVPB2001 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CNVL2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtoq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	83.40	2.46	1.26
HPG	16.85	3.06	1.13
FPT	41.10	1.73	0.52
HDB	17.80	3.19	0.51
VCB	62.00	1.64	0.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	17.0	-6.87	-2.91
EIB	14.7	-6.69	-1.50
STB	7.3	-4.45	-0.84
VHM	55.0	-1.43	-0.41
PNJ	46.9	-2.90	-0.34

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2004	24,100	10,500	58,900
CHDB2004	31,700	28,500	17,800
CHPG1909	28,280	24,680	16,850
CHPG2004	26,300	23,500	16,850
CVRE2001	42,789	36,789	19,150
CHPG2002	33,399	29,999	16,850
CVIC2001	139,968	126,468	83,400
CDPM2002	16,952	15,252	11,450
CVPB2003	24,200	22,000	16,950
CDPM2001	16,567	14,567	11,450
CHPG2003	26,810	22,100	16,850
CHDB2001	33,099	29,099	17,800
CHDB2003	37,523	32,123	17,800
CVNM2002	157,111	141,111	91,000
CROS2001	32,468	26,468	3,260
CMSN2001	77,289	65,789	49,000
CSTB2001	12,499	10,999	7,300
CSTB2002	13,588	11,888	7,300
CMBB1903	26,000	22,000	13,550
CFPT1908	63,450	54,000	41,100
CVPB2001	23,000	20,000	16,950
CREE1905	39,124	32,977	27,300
CHPG1907	25,200	21,000	16,850

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	58.9	-1.0%	1.1	1,160	4.9	8,655	6.8	2.1	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	46.9	-2.9%	1.3	459	1.2	5,361	8.7	2.3	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	37.0	2.8%	1.4	1,194	1.3	1,632	22.7	1.4	28.9%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	27.2	-1.8%	0.6	273	0.0	2,623	10.4	0.9	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	83.4	2.5%	0.9	12,265	4.7	2,268	36.8	3.7	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	19.2	0.8%	1.1	1,892	3.0	1,253	15.3	1.6	32.2%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.9	0.0%	0.8	2,188	1.0	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	27.3	-0.4%	0.9	368	0.6	5,287	5.2	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	7.8	-7.0%	1.5	204	1.3	2,850	2.7	0.6	42.5%	20.3%
SSI	Chứng khoán	11.6	0.9%	1.3	261	0.8	1,787	6.5	0.6	51.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	14.2	-4.1%	1.0	101	0.0	4,218	3.4	0.6	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	11.2	-3.0%	1.7	148	0.7	1,421	7.8	0.8	54.1%	11.7%
FPT	Công nghệ	41.1	1.7%	0.8	1,212	3.0	4,631	8.9	2.0	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	41.0	0.0%	0.4	443	0.0	4,812	8.5	2.2	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	54.8	0.4%	1.5	4,560	1.0	6,092	9.0	2.2	3.5%	25.4%
PLX	Dầu khí	36.5	2.0%	1.5	1,890	0.6	3,495	10.4	1.9	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	9.0	-3.2%	1.6	187	1.8	1,529	5.9	0.4	17.0%	6.2%
BSR	Dầu khí	4.8	-2.0%	0.8	647	0.5	898	5.3	0.4	41.1%	8.5%
DHG	Dược	79.0	0.1%	0.5	449	0.1	4,668	16.9	3.1	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.5	0.4%	0.6	195	0.3	774	14.8	0.6	18.2%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.3	-0.7%	0.5	122	0.1	600	8.9	0.5	1.8%	5.2%
VCB	Ngân hàng	62.0	1.6%	1.2	9,998	2.6	5,003	12.4	2.8	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	30.9	-0.2%	1.6	5,395	1.4	2,366	13.0	1.7	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	17.2	-2.8%	1.3	2,784	4.7	2,541	6.8	0.8	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	17.0	-6.9%	1.2	1,797	3.4	3,379	5.0	1.0	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	13.6	-0.4%	1.1	1,421	3.4	3,476	3.9	0.8	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	17.8	-2.2%	1.0	1,282	3.6	3,694	4.8	1.1	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	34.0	-1.2%	0.9	121	0.2	5,165	6.6	1.1	79.4%	17.2%
NTP	Nhựa	27.1	0.0%	0.3	116	0.0	4,167	6.5	1.0	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	16.9	3.1%	1.1	2,023	8.1	2,588	6.5	1.0	36.6%	17.1%
HSG	Thép	4.6	-2.2%	1.7	84	0.9	1,161	3.9	0.3	17.7%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	91.0	-0.2%	0.7	6,890	5.2	5,478	16.6	5.8	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	123.0	1.6%	0.8	3,429	0.1	7,477	16.5	4.2	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.0	-0.2%	1.0	2,490	7.8	4,772	10.3	1.3	36.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	12.7	-1.9%	0.7	324	0.8	508	25.0	1.1	6.1%	4.4%
ACV	Vận tải	42.2	-0.9%	0.8	3,994	0.3	2,630	16.0	3.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	97.2	0.7%	1.1	2,214	0.7	7,889	12.3	3.3	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	17.8	-1.7%	1.7	1,098	0.9	1,640	10.9	1.4	9.7%	12.8%
GMD	Vận tải	15.0	-1.0%	0.9	193	0.2	1,595	9.4	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	7.9	2.3%	0.9	96	0.2	2,421	3.2	0.5	28.9%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	53.0	1.7%	1.1	369	0.7	8,824	6.0	2.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	14.1	2.2%	0.7	275	0.5	1,453	9.7	1.0	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.0	-4.8%	0.8	166	0.0	1,941	5.2	0.7	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	45.0	-6.9%	1.1	149	0.6	8,858	5.1	0.4	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.5	-0.4%	0.7	471	0.1	1,567	15.6	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.1	0.6%	0.4	195	0.4	2,769	6.5	0.8	47.9%	12.9%
POW	Điện	7.1	-0.7%	0.6	722	1.0	1,028	6.9	0.6	12.3%	9.4%
NT2	Điện	16.3	-2.1%	0.5	203	0.3	2,560	6.3	1.1	17.6%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	83.40	2.46	1.93	1.30MLN
VCB	62.00	1.64	1.06	957500.00
HPG	16.85	3.06	0.39	11.16MLN
SAB	123.00	1.57	0.35	19220.00
PLX	36.50	1.96	0.26	383160.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	-0.01	-0.88	4.50MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.77	661010.00	607060.00
CTG	0.00	-0.53	6.10MLN	373600.00
EIB	-0.01	-0.37	625330.00	192700.00
TPB	-0.01	-0.31	122410.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNL	13.00	7.00	0.00	2010.00
VPS	9.18	6.99	0.00	470.00
LGC	44.40	6.99	0.16	8100.00
CAV	58.30	6.97	0.06	40.00
VID	4.16	6.94	0.00	150.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TVT	21.60	-7.49	-0.01	2340.00
TNI	9.30	-7.00	-0.01	727250.00
SCR	3.59	-6.99	-0.03	2.97MLN
LAF	8.78	-6.99	0.00	80.00
HVH	6.52	-6.99	0.00	110560.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.20	2.52	0.40	3.55MLN
VIF	16.60	8.50	0.05	4500.00
L14	49.50	5.32	0.03	125900.00
PTI	20.50	7.89	0.03	38200.00
VCS	53.00	1.73	0.03	316800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

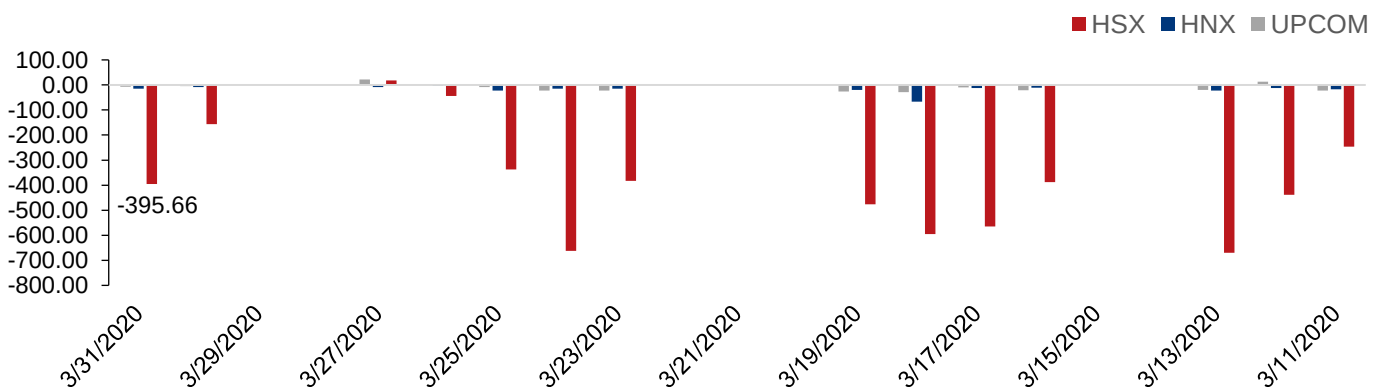
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	17.80	-2.20	-0.64	4.53MLN
NVB	7.90	-4.82	-0.16	3.00MLN
PVS	9.00	-3.23	-0.07	4.50MLN
SHN	8.10	-6.90	-0.07	14100.00
DGC	19.40	-3.96	-0.06	73600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.60	20.0	0.00	793100.00
MEC	1.00	11.1	0.00	55900.00
PPY	26.40	10.0	0.00	300.00
DNM	22.20	9.9	0.01	2200.00
STC	14.70	9.7	0.00	2700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.30	-25.00	0.00	30500.00
ACM	0.40	-20.00	-0.01	789000.00
HKB	0.50	-16.67	0.00	206900.00
VIG	0.50	-16.67	0.00	81300.00
HBE	7.20	-10.00	0.00	400.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	15.0	1,595	9.4	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	17.8	3,694	4.8	1.1	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.1	1,820	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	123.0	7,477	16.5	4.2	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	18.5	1,688	11.0	1.3	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	91.0	5,478	16.6	5.8	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	9.4	2,690	3.5	0.5	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	58.9	8,655	6.8	2.1	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	20.5	7,380	2.8	0.8	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	41.1	4,631	8.9	2.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	14.6	2,109	6.9	1.1	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	17.7	3,897	4.5	0.8	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	79.0	4,668	16.9	3.1	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.4	4,313	5.2	1.0	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	46.9	5,361	8.7	2.3	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	7.9	2,421	3.2	0.5	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	136.8	14,782	9.3	3.8	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	6.8	0	19.0	0.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	58.9	8,655	6.8	2.1	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	17.8	3,694	4.8	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

 **Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...

 **Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

 **Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

 **Trợ lý phái sinh (hỏa):** cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND. P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn